

Thứ sáu, ngày 10 tháng 5 năm 2019

## Vietnam Daily Review

Kỳ vọng tích cực

### Dự đoán xu hướng thị trường

|                     | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|---------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 13/5/2019      |          | •         |          |
| Tuần 13/5-17/5/2019 |          | •         |          |
| Tháng 5/2019        |          | •         |          |

### Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động và tăng nhẹ trong phiên sáng, đà tăng cải thiện trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+0.99 điểm); BID (+0.92 điểm); GAS (+0.74 điểm); SAB (+0.38 điểm); TCB (+0.36 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VHM (-0.5 điểm); MSN (-0.07 điểm); MBB (-0.06 điểm); KDH (-0.06 điểm); FRT (-0.04 điểm)
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2316.73 tỷ đồng, giảm nhẹ so với phiên trước. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 6.07 điểm. Thị trường có 181 mã tăng và 102 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 5.54 điểm, đóng cửa tại 952.55 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.6 điểm lên 105.86 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 219.94 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VHM (47.74 tỷ), HPX (40.36 tỷ) và HPG (18.14 tỷ). Tuy nhiên, họ mua ròng 10.95 tỷ đồng trên sàn HNX.

### Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index biến động và tăng nhẹ với lực mua tập trung vào các cổ phiếu bluechips như SAB, VNM, NVL, GAS, PLX và nhóm cổ phiếu ngân hàng như BID, TCB, CTG, VPB. Trong phiên chiều, đà tăng chỉ số ở phiên sáng được nối rộng và đóng cửa ở mức 974.14 do lực mua tiếp tục tăng ở VNM, PLX, GAS và nhóm ngân hàng như BID, TCB, CTG cũng như sự quay đầu tăng điểm của VRE. Khối ngoại bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường có phiên hồi phục nhẹ sau 6 phiên điều chỉnh liên tiếp. Tuy nhiên thanh khoản vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp trong phiên hôm nay cho thấy tâm lý lo sợ rủi ro sau khi Mỹ chính thức tăng mức đánh thuế lên 25% cho 200 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu của Trung Quốc. Kỳ vọng của thị trường trong nước và thế giới tiếp tục xoay quanh các diễn biến của cuộc đàm phán trong đêm 10/5 cùng kỳ vọng khả năng Mỹ-Trung có thể đạt được một thỏa thuận thương mại trong tuần này.

### Phân tích kỹ thuật:

#### PVS\_Tăng giá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

### Điểm tin sự kiện:

#### Mỹ chính thức tăng thuế đối với 200 tỷ đô la hàng hóa Trung Quốc

(Vui lòng tải và xem trang 3)

#### iBroker: Cập nhật LHG, FPT

(Vui lòng tải và xem trang 7)

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

#### VN-INDEX

952.55

Giá trị: 2316.74 tỷ

5.54 (0.58%)

Khối ngoại (ròng): 219.4 tỷ

#### HNX-INDEX

105.86

Giá trị: 290.4 tỷ

0.6 (0.57%)

Khối ngoại (ròng): 10.95 tỷ

#### UPCOM-INDEX

55.15

Giá trị: 202.12 tỷ

0.28 (0.51%)

Khối ngoại (ròng): -0.27 tỷ

### Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 62.2    | 0.81%  |
| Giá vàng           | 1,286   | 0.14%  |
| Tỷ giá USD/VND     | 23,341  | -0.29% |
| Tỷ giá EUR/VND     | 26,118  | -0.16% |
| Tỷ giá JPY/VND     | 21,203  | -0.50% |
| LS liên NH 1 tháng | 0.0%    | 0.00%  |
| LS TPCP 5 năm      | 4.0%    | 0.00%  |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| VNM     | 7.3     | VHM     | 47.7    |
| PHR     | 4.1     | HPX     | 39.9    |
| PVT     | 3.7     | HPG     | 18.1    |
| HSG     | 3.6     | AAA     | 18.0    |
| DRC     | 2.0     | VCB     | 12.3    |

Nguồn: BSC Research

### Tổng quan thị trường

Trang 1

### Phân tích kỹ thuật

Trang 2

### Điểm tin sự kiện

Trang 3

### Cổ phiếu lớn

Trang 4

### Thống kê thị trường

Trang 5

### Báo cáo mới nhất

Trang 6

### iBroker

Trang 7

### Khuyến cáo sử dụng

Trang 8

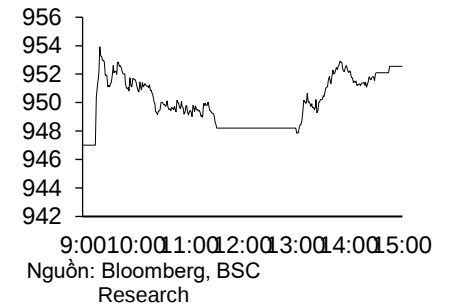
| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú                   |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|---------------------------|
| VNM | 2.1                 | 130.1            | 120.00         | 152.60           | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài          |
| VJC | 2.8                 | 115.4            | 106.37         | 123.91           | NGƯNG MUA  | Hồi phục trong ngắn hạn   |
| VIC | 1.4                 | 112.7            | 105.00         | 122.40           | NGƯNG BÁN  | Hồi phục trong ngắn hạn   |
| GAS | 1.1                 | 107.9            | 95.60          | 114.90           | NGƯNG BÁN  | Điều chỉnh trong ngắn hạn |
| PNJ | 0.8                 | 100.5            | 97.10          | 104.20           | NGƯNG MUA  | Tăng giá kéo dài          |
| VHC | 0.5                 | 89.8             | 85.00          | 97.20            | NGƯNG MUA  | Giảm giá kéo dài          |
| MSN | 0.7                 | 87.5             | 82.10          | 92.00            | NGƯNG MUA  | Tăng giá kéo dài          |
| MWG | 1.3                 | 85.0             | 80.60          | 91.00            | NGƯNG BÁN  | Hồi phục trong ngắn hạn   |
| BVH | 1.5                 | 73.3             | 71.40          | 98.50            | NGƯNG BÁN  | Giảm giá kéo dài          |
| VCB | 1.6                 | 65.6             | 64.00          | 70.00            | NGƯNG BÁN  | Điều chỉnh trong ngắn hạn |

**Lê Quốc Trung**

[trunglq@bsc.com.vn](mailto:trunglq@bsc.com.vn)

Hình 1

**HSX-Index Intraday**



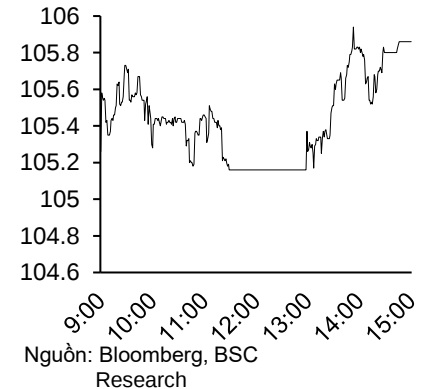
## Phân tích kỹ thuật

**PVS\_Tăng giá**

**Điểm nhấn kỹ thuật:**

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt xuống đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hồi phục từ kênh Bollinger dưới.
- Đường MA: MA20 nằm MA50 và MA200. 3 đường MA đều có xu hướng tăng.

**Nhận định:** Cổ phiếu đã xác lập ngưỡng hỗ trợ khá vững tại ngưỡng giá 22.8 (Fibonacci 50.0%). Thanh khoản trong các phiên giao dịch gần đây duy trì tại ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy dòng tiền vẫn đang chảy vào cổ phiếu. Điều này báo hiệu động lực tăng khá mạnh khi các phiên tăng giá đều có lượng thanh khoản khá lớn. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng tăng giá ngắn hạn trong khi chỉ báo MACD đang có tín hiệu tích lũy. 3 đường MA vẫn duy trì xu hướng tăng điểm được hỗ trợ bởi dải mây Ichimoku tích cực cho thấy PVS vẫn có lực tăng ổn định và sẽ tăng lại ngưỡng giá 26.5 (Fibonacci 78.6%).



**Bảng 1**

**Hợp đồng tương lai**

| Ticker    | Đóng  | ± Ngày | ± KLGD |
|-----------|-------|--------|--------|
| VN30F1905 | 876.7 | 0.7%   | -1.7%  |
| VN30F1906 | 880.0 | 1.0%   | 128.1% |
| VN30F1909 | 876.2 | 1.3%   | 187.5% |
| VN30F1912 | 877.8 | 1.4%   | 84.5%  |

**Bảng 2**

**Top tăng điểm VN30**

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VNM | 130 | 1.5       | 1.2      |
| TCB | 23  | 1.5       | 1.1      |
| HDB | 27  | 1.7       | 0.4      |
| MWG | 85  | 1.1       | 0.4      |
| NVL | 58  | 1.2       | 0.3      |

**Top giảm điểm VN30**

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VHM | 84  | -1        | -0.3     |
| MBB | 21  | 0         | -0.2     |
| MSN | 88  | 0         | -0.1     |
| HPG | 33  | 0         | -0.1     |
| ROS | 30  | -1        | 0.0      |



## **Mỹ chính thức tăng thuế đối với 200 tỷ đô la hàng hóa Trung Quốc**

Mỹ đã chính thức tăng thuế đối với 200 tỷ đô la hàng hóa Trung Quốc có hiệu lực vào lúc 11:01 sáng thứ Sáu ngay cả khi các cuộc đàm phán thương mại được nối lại. Hơn 5.700 mặt hàng sẽ bị ảnh hưởng. Những mặt hàng được xuất đi trước 0h chỉ chịu thuế 10%, theo người phát ngôn Cục Hải Quan và Biên phòng Hoa Kỳ.

Trong tổng số 200 tỷ USD hàng hóa bị Mỹ đánh thuế từ 10% lên 25% trong ngày hôm nay, nhóm hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất là nhóm hàng hóa thiết bị viễn thông (19.1 tỷ USD) và mạch điện tử máy tính với 12.5 tỷ USD.

Tổng thống Trump cũng đe dọa sẽ tiếp tục đánh thuế mới đối với các hàng hóa Trung Quốc khác mà chưa phải chịu thuế.

Các ngành và các mã tiêu biểu bị ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Trung-Mỹ:

Tích cực:

Cảng biển: VSC, GMD

Khu công nghiệp: LHG, KBC

Dệt may: MSH, TNG

Thủy sản: VHC

Tiêu cực:

Dầu khí: PVS, PVD, GAS

Ngân hàng: VCB, ACB, MBB, TCB

| Mã  | Ngành             | Đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS<br>(VND) | P/E  | P/B | NN sở hữu | ROE   |
|-----|-------------------|-------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|--------------|------|-----|-----------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 85.0                    | 1.1%   | 0.8  | 1,637                  | 1.3                        | 7,159        | 11.9 | 3.8 | 49.0%     | 36.0% |
| PNJ | Bán lẻ            | 100.5                   | 0.7%   | 1.0  | 730                    | 0.8                        | 6,402        | 15.7 | 4.2 | 49.0%     | 29.1% |
| BVH | Bảo hiểm          | 73.3                    | 0.7%   | 1.3  | 2,234                  | 1.5                        | 1,622        | 45.2 | 3.4 | 24.8%     | 7.7%  |
| PVI | Bảo hiểm          | 37.0                    | -1.1%  | 0.7  | 372                    | 0.1                        | 2,459        | 15.0 | 1.2 | 47.6%     | 8.1%  |
| VIC | Bất động sản      | 112.7                   | 0.1%   | 1.1  | 15,639                 | 1.4                        | 1,303        | 86.5 | 6.4 | 9.2%      | 8.9%  |
| VRE | Bất động sản      | 35.4                    | 0.7%   | 1.1  | 3,579                  | 2.4                        | 1,033        | 34.2 | 2.9 | 32.2%     | 8.8%  |
| NVL | Bất động sản      | 58.4                    | 1.2%   | 0.8  | 2,363                  | 1.1                        | 3,686        | 15.8 | 2.8 | 6.9%      | 20.8% |
| REE | Bất động sản      | 32.1                    | 0.6%   | 1.1  | 433                    | 0.7                        | 5,659        | 5.7  | 1.1 | 49.0%     | 20.6% |
| DXG | Bất động sản      | 19.3                    | 1.3%   | 1.4  | 293                    | 1.6                        | 3,364        | 5.7  | 1.3 | 48.4%     | 25.1% |
| SSI | Chứng khoán       | 25.1                    | 1.8%   | 1.3  | 555                    | 1.3                        | 2,169        | 11.5 | 1.4 | 58.9%     | 11.9% |
| VCI | Chứng khoán       | 32.4                    | 5.0%   | 1.0  | 230                    | 0.1                        | 5,067        | 6.4  | 1.4 | 37.4%     | 24.7% |
| HCM | Chứng khoán       | 26.3                    | 1.2%   | 1.5  | 346                    | 0.6                        | 2,009        | 13.1 | 1.1 | 56.6%     | 14.1% |
| FPT | Công nghệ         | 49.0                    | 0.8%   | 0.9  | 1,314                  | 2.2                        | 4,467        | 11.0 | 2.3 | 49.0%     | 21.9% |
| FOX | Công nghệ         | 48.7                    | 3.8%   | 0.4  | 479                    | 0.0                        | 4,156        | 11.7 | 2.9 | 0.1%      | 27.7% |
| GAS | Dầu khí           | 107.9                   | 1.2%   | 1.5  | 8,979                  | 1.1                        | 6,092        | 17.7 | 4.7 | 3.7%      | 27.0% |
| PLX | Dầu khí           | 61.3                    | 1.2%   | 1.5  | 3,120                  | 0.9                        | 3,412        | 18.0 | 3.2 | 11.4%     | 18.2% |
| PVS | Dầu khí           | 23.4                    | 2.2%   | 1.7  | 486                    | 4.4                        | 2,433        | 9.6  | 0.9 | 26.4%     | 10.1% |
| BSR | Dầu khí           | 13.4                    | 2.3%   | 0.8  | 1,806                  | 1.6                        | 1,163        | 11.5 | 1.3 | 41.1%     | 11.0% |
| DHG | Dược              | 118.0                   | 0.9%   | 0.6  | 671                    | 0.2                        | 4,199        | 28.1 | 5.1 | 54.0%     | 19.0% |
| DPM | Hóa chất          | 17.9                    | 1.7%   | 0.7  | 305                    | 0.1                        | 1,289        | 13.9 | 0.9 | 22.9%     | 7.2%  |
| DCM | Hóa chất          | 8.4                     | 0.4%   | 0.7  | 194                    | 0.1                        | 978          | 8.6  | 0.8 | 2.7%      | 8.4%  |
| VCB | Ngân hàng         | 65.6                    | 0.2%   | 1.3  | 10,578                 | 1.6                        | 4,367        | 15.0 | 3.3 | 23.7%     | 24.5% |
| BID | Ngân hàng         | 32.0                    | 2.9%   | 1.6  | 4,756                  | 1.5                        | 2,150        | 14.9 | 2.0 | 3.2%      | 14.5% |
| CTG | Ngân hàng         | 20.3                    | 1.0%   | 1.6  | 3,286                  | 1.5                        | 1,481        | 13.7 | 1.1 | 30.0%     | 8.1%  |
| VPB | Ngân hàng         | 18.4                    | 0.5%   | 1.2  | 1,960                  | 1.1                        | 2,705        | 6.8  | 1.2 | 23.2%     | 19.7% |
| MBB | Ngân hàng         | 20.9                    | -0.5%  | 1.2  | 1,920                  | 2.9                        | 2,994        | 7.0  | 1.3 | 20.0%     | 20.2% |
| ACB | Ngân hàng         | 29.3                    | 0.7%   | 1.1  | 1,589                  | 0.8                        | 4,297        | 6.8  | 1.6 | 34.3%     | 27.1% |
| BMP | Nhựa              | 44.7                    | 0.0%   | 0.9  | 159                    | 0.3                        | 5,279        | 8.5  | 1.4 | 75.5%     | 17.0% |
| NTP | Nhựa              | 34.2                    | -1.2%  | 0.3  | 133                    | 0.0                        | 4,066        | 8.4  | 1.3 | 22.2%     | 16.3% |
| MSR | Tài nguyên        | 17.3                    | 0.6%   | 1.2  | 676                    | 0.0                        | 732          | 23.6 | 1.3 | 2.0%      | 5.6%  |
| HPG | Thép              | 32.9                    | -0.2%  | 1.0  | 3,033                  | 2.7                        | 3,843        | 8.5  | 1.7 | 40.0%     | 21.4% |
| HSG | Thép              | 8.1                     | 1.4%   | 1.5  | 149                    | 1.7                        | 244          | 33.2 | 0.6 | 15.7%     | 1.8%  |
| VNM | Tiêu dùng         | 130.1                   | 1.5%   | 0.7  | 9,850                  | 2.1                        | 5,349        | 24.3 | 8.0 | 59.4%     | 34.4% |
| SAB | Tiêu dùng         | 248.0                   | 0.8%   | 0.8  | 6,915                  | 0.3                        | 6,479        | 38.3 | 9.8 | 63.4%     | 28.0% |
| MSN | Tiêu dùng         | 87.5                    | -0.2%  | 1.2  | 4,425                  | 0.7                        | 4,545        | 19.3 | 3.4 | 40.6%     | 22.0% |
| SBT | Tiêu dùng         | 17.7                    | 0.0%   | 0.6  | 403                    | 1.0                        | 752          | 23.5 | 1.5 | 10.9%     | 6.1%  |
| ACV | Vận tải           | 80.1                    | 0.1%   | 0.8  | 7,582                  | 0.1                        | 1,883        | 42.5 | 6.4 | 3.6%      | 15.9% |
| VJC | Vận tải           | 115.4                   | -0.1%  | 1.1  | 2,717                  | 2.8                        | 9,850        | 11.7 | 4.5 | 20.6%     | 43.3% |
| HVN | Vận tải           | 39.1                    | -0.1%  | 1.7  | 2,411                  | 0.9                        | 1,747        | 22.4 | 3.1 | 9.6%      | 13.4% |
| GMD | Vận tải           | 26.1                    | 0.2%   | 0.9  | 336                    | 0.2                        | 2,245        | 11.6 | 1.3 | 49.0%     | 11.3% |
| PVT | Vận tải           | 16.4                    | 2.2%   | 0.7  | 200                    | 0.2                        | 2,387        | 6.9  | 1.2 | 32.9%     | 17.5% |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 61.1                    | 0.3%   | 0.9  | 417                    | 0.2                        | 6,806        | 9.0  | 3.2 | 2.5%      | 43.4% |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 20.6                    | 2.5%   | 0.9  | 402                    | 1.7                        | 1,385        | 14.9 | 1.4 | 15.5%     | 9.7%  |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 17.5                    | 0.6%   | 0.8  | 289                    | 0.1                        | 1,744        | 10.0 | 1.3 | 6.3%      | 12.6% |
| CTD | Xây dựng          | 117.2                   | 0.2%   | 0.8  | 389                    | 0.7                        | 17,122       | 6.8  | 1.1 | 46.1%     | 16.9% |
| VCG | Xây dựng          | 26.5                    | -1.1%  | 1.2  | 509                    | 0.3                        | 1,106        | 24.0 | 1.8 | 0.0%      | 8.3%  |
| CII | Xây dựng          | 23.3                    | 0.0%   | 0.5  | 251                    | 0.5                        | 337          | 69.2 | 1.2 | 53.9%     | 1.7%  |
| POW | Điện              | 13.6                    | 0.7%   | 0.6  | 1,385                  | 0.9                        | 820          | 16.6 | 1.3 | 14.7%     | 7.8%  |
| NT2 | Điện              | 26.9                    | -0.6%  | 0.6  | 336                    | 0.0                        | 2,446        | 11.0 | 2.0 | 23.1%     | 15.5% |

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| VNM | 130.10 | 1.48 | 0.99     | 366690.00 |
| BID | 32.00  | 2.89 | 0.92     | 1.10MLN   |
| GAS | 107.90 | 1.22 | 0.75     | 242390.00 |
| SAB | 248.00 | 0.81 | 0.38     | 23230.00  |
| TCB | 23.15  | 1.54 | 0.37     | 1.68MLN   |

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| ACB | 29.30 | 0.69 | 0.25     | 645900.00 |
| PVS | 23.40 | 2.18 | 0.12     | 4.37MLN   |
| VGC | 20.60 | 2.49 | 0.09     | 1.88MLN   |
| PGS | 35.70 | 3.78 | 0.04     | 1300.00   |
| SHS | 11.60 | 1.75 | 0.02     | 801500.00 |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| VHM | 84.00 | -0.59 | -0.50    | 980260.00 |
| MSN | 87.50 | -0.23 | -0.07    | 189070.00 |
| MBB | 20.90 | -0.48 | -0.07    | 3.16MLN   |
| KDH | 29.20 | -1.68 | -0.06    | 296030.00 |
| FRT | 48.60 | -4.71 | -0.05    | 33040.00  |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| PHP | 10.20 | -7.27 | -0.03    | 3700.00   |
| VCG | 26.50 | -1.12 | -0.02    | 242300.00 |
| PVI | 37.00 | -1.07 | -0.01    | 54900.00  |
| SHN | 9.10  | -1.09 | -0.01    | 8500.00   |
| NTP | 34.20 | -1.16 | -0.01    | 2200.00   |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|------|----------|----------|
| RIC | 5.05  | 6.99 | 0.00     | 80.00    |
| VFG | 38.60 | 6.93 | 0.02     | 10.00    |
| LM8 | 22.45 | 6.90 | 0.00     | 20.00    |
| VPK | 3.90  | 6.85 | 0.00     | 28000.00 |
| SRC | 22.75 | 6.81 | 0.01     | 11380.00 |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| PVV | 0.60  | 20.00 | 0.00     | 100400.00 |
| HKB | 0.90  | 12.50 | 0.00     | 66000.00  |
| PDC | 5.60  | 9.80  | 0.00     | 200.00    |
| QHD | 14.60 | 9.77  | 0.01     | 100.00    |
| SCI | 9.10  | 9.64  | 0.00     | 19000.00  |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD   |
|-----|-------|-------|----------|--------|
| TIE | 9.21  | -6.97 | 0.00     | 470.00 |
| HVX | 2.83  | -6.91 | 0.00     | 10.00  |
| PTL | 2.83  | -6.91 | -0.01    | 50.00  |
| EMC | 11.50 | -6.88 | 0.00     | 750.00 |
| MCG | 2.47  | -6.79 | 0.00     | 250.00 |

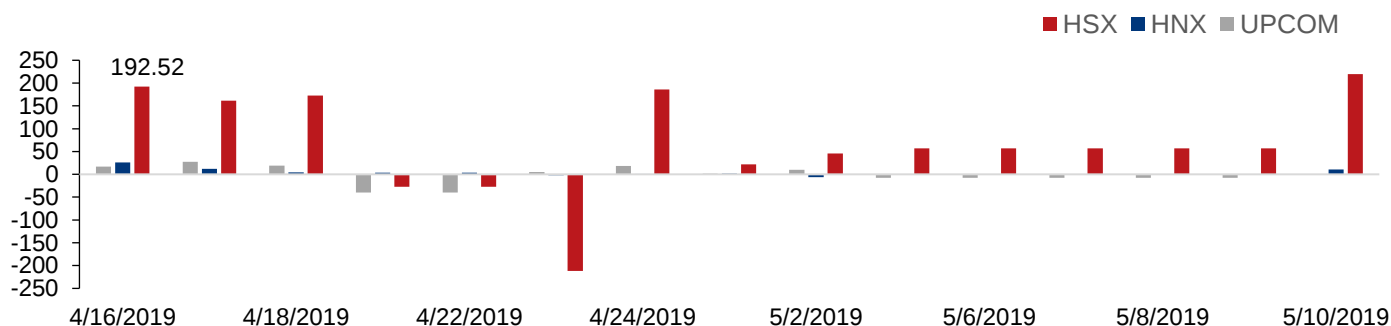
### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá   | %      | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|--------|----------|-----------|
| CMI | 0.70  | -12.50 | 0.00     | 1600.00   |
| NHP | 0.70  | -12.50 | 0.00     | 258600.00 |
| TTZ | 8.40  | -9.68  | 0.00     | 2400.00   |
| CKV | 14.40 | -9.43  | 0.00     | 100.00    |
| GDW | 19.50 | -9.30  | 0.00     | 100.00    |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                   | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1   | Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018                | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | 2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp             | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019      | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN             | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE                | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE      | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II   | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài    | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm              | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11 năm      | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E  | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|------|-----|-----------------------|---------------|
| 1   | DXG | Bất động sản | Mua         | 22/03/2019      | 22.5                | 30.5         | 19.3         | 3,364  | 5.7  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | CTD | Xây dựng     | Theo dõi    | 22/03/2019      | 142.0               | 153.6        | 117.2        | 17,122 | 6.8  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | CSV | Hóa chất     | Theo dõi    | 21/03/2019      | 32.3                | 36.6         | 29.2         | 5,748  | 5.1  | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | PVT | Vận tải      | Theo dõi    | 21/03/2019      | 17.9                | 19.2         | 16.4         | 2,387  | 6.9  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | ACB | Ngân hàng    | Theo dõi    | 7/3/2019        | 30.4                | 32.7         | 29.3         | 4,297  | 6.8  | 1.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | TCB | Ngân hàng    | Theo dõi    | 7/3/2019        | 26.8                | 31.2         | 23.2         | 2,430  | 9.5  | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | GMD | Cảng biển    | Theo dõi    | 7/3/2019        | 27.8                | 29.1         | 26.1         | 2,245  | 11.6 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | SBT | Mía đường    | Theo dõi    | 1/3/2019        | 19.8                | 21.2         | 17.7         | 752    | 23.5 | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | PHR | Cao su       | Theo dõi    | 6/3/2019        | 44.6                | 44.5         | 51.1         | 4,852  | 10.5 | 2.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | MSN | Thực phẩm    | Theo dõi    | 4/3/2019        | 89.5                | 91.0         | 87.5         | 4,545  | 19.3 | 3.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | DGW | Công nghệ    | Mua         | 27/3/2019       | 23.1                | 27.4         | 22.4         | 2,862  | 7.8  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | HDG | Bất động sản | Mua         | 8/4/2019        | 42.5                | 58.0         | 37.8         | 8,690  | 4.4  | 1.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | HT1 | Xây dựng     | Mua         | 4/4/2019        | 16.2                | 18.4         | 17.5         | 1,744  | 10.0 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | PVI | Bảo hiểm     | Mua         | 25/03/2019      | 36.0                | 41.7         | 37.0         | 2,459  | 15.0 | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | HBC | Xây dựng     | Theo dõi    | 29/3/2019       | 18.5                | 20.1         | 17.0         | 2,947  | 5.8  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | FPT | Công nghệ    | Mua         | 25/04/2019      | 48.6                | 59.1         | 49.0         | 4,467  | 11.0 | 2.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | HDG | Bất động sản | Mua         | 10/9/2017       | 38.3                | 50.2         | 37.8         | 8,690  | 4.4  | 1.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | GMD | Cảng biển    | Mua         | 10/5/2018       | 28.4                | 36.8         | 26.1         | 2,245  | 11.6 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | EVE | Dệt may      | Nắm giữ     | 10/2/2018       | 16.0                | 18.2         | 16.0         | 1,506  | 10.6 | 0.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | RAL | Tiêu dùng    | Mua         | 21/9/2018       | 103.8               | 124.2        | 80.6         | 18,019 | 4.5  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |



## TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



**Trợ lý phân tích định lượng (kim):** gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



**Trợ lý phân tích cơ bản (mộc):** có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



**Trợ lý báo cáo phân tích (thủy):** Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

**Sử dụng iBroker tại đây**  
**Bản công bố rủi ro**

[Link](#)  
[Link](#)

**Hướng dẫn sử dụng**  
**Video hướng dẫn sử dụng**

[Link](#)  
[Link](#)

## Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

| Mã gõ báo cáo | Ngày      | Nội dung tóm tắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| LHG 2019Q2    | 7/5/2019  | Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 25506; Giá tại Publish 18200. Dự báo KQKD 2019 và định giá: BSC dự báo kết quả kinh doanh của LHG trong năm 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 633.2 tỷ đồng (+47.1% yoy) và 188.7 tỷ đồng(+7.28% yoy), tương đương EPS FW 2019 =3,773.7 đồng P/E FW 2019 = 5.21. |
| FPT 2019Q2    | 24/4/2019 | Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 59100; Giá tại Publish 59100. Năm 2019, BSC dự báo DTT và LNTT của FPT lần lượt đạt 26,180 tỷ (+14.7% YoY) và 4,569 tỷ (+19% YoY). EPS FW 2019 sẽ đạt 4,702 VND/cp ( +20% YoY) (đã trích quỹ khen thưởng và phúc lợi).                                                              |

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

